TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 116/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2025
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Phước**

Bà **Dương Thị Tú Phương**

Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số: 226/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Th Tr** - sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp N, xã N, tỉnh T (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Phan H Ph** - sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp N, xã Ph, tỉnh T (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:*

- Về Hôn nhân: Chị Tr và anh Ph tự nguyện sống chung như vợ chồng từ khoảng tháng 8 năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau, hôn nhân đã không còn hạnh phúc, nên không sống chung từ khoảng năm 2017 đến nay. Do nhiều năm rồi đời sống cá nhân ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai, nên chị Tr đã không còn tình cảm với anh Ph và mong muốn được Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Ph.

- Về con: Chị Tr và anh Ph có 01 con chung tên là Phan H Kh, sinh ngày 12/5/2006. Từ ngày ly thân thì con sống chung chị Tr. Nay con đã thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nên chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì liên quan đến con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr xác định chị và anh Ph không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

** Lời trình bày của bị đơn:* Anh Ph không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Tr đối với anh.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 9 – Cà Mau trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Cho Nguyễn Th Tr ly hôn anh Phan H Ph.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

1.1. Chị Tr tranh chấp ly hôn với anh Ph, anh Ph có nơi cư trú tại xã Ph, tỉnh T, nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.2. Chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Ph được triệu hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do, không có đơn xin vắng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về yêu cầu về hôn nhân của nguyên đơn:

Chị Tr và anh Ph tự nguyện sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Do đời sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên đã không còn sống chung, chị Tr không còn tình cảm với anh Ph, nên yêu cầu ly hôn anh Ph.

Về phía anh Ph: Ngay từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, nhưng anh Ph không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của anh đối với ý

kiến trình bày và yêu cầu của chị Tr. Từ đó cho thấy anh Ph mặc nhiên thừa nhận trình bày của chị Tr và có tư tưởng bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh Ph và chị Tr. Điều này chứng tỏ, hôn nhân của chị Tr và anh Ph đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh Ph.

[3] Xét về quan hệ con: Do con chung của chị Tr và anh Ph đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Tr xác định chị và anh Ph không có tài sản chung, không có nợ chung; Anh Ph không có ý kiến phản bác và không nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí:

5.1. Buộc chị Nguyễn Th Tr chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Tr đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ chuyển sang thu án phí.

5.2. Anh Phan H Ph không phải chịu án phí.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trân.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trân được ly hôn anh Phan Hoàng Phúc.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Buộc chị Nguyễn Th T phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị Tr đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 002973 ngày 23/10/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau thu, chuyển thu án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Anh Phan H Ph không phải chịu án phí.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Cà Mau;
-VKSND KV 9 – Cà Mau;
- Phòng THADS KV 9 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang